TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **52**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/11/2023
V/v tranh chấp: *"ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Trưng và bà Đỗ Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thị Giang– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 134/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc T, sinh năm 1997; Trú tại: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trương Công Đ, sinh năm 1996.

Trú tại: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Trương Công Đ tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 30/12/2020 tại UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, đến tháng 6/2021 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, anh Đ hay ghen tuông vô cớ dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Sau đó, cả hai sống ly thân với nhau đến đầu tháng 01/2022 thì quay trở lại sống chung với nhau, tháng 10/2022 chị T về quê để sinh con, từ khi chị T sinh con thì không hiểu vì lý do gì mà anh Đ không hề quan tâm chăm

sóc, không chu cấp tiền để nuôi con và cũng không liên lạc gì với chị T. Chị T và anh Đ sống ly thân từ tháng 10/2022 đến nay, cả hai không tìm được biện pháp khắc phục mâu thuẫn, cũng không ai quan tâm đến đời sống của ai. Cảm thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục sống chung được nữa nên chị T xin được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Trương Trần Anh K, sinh ngày 18/11/2022; Hiện cháu K do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng cháu K; không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Trương Công Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Tuy An triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt; Tại bản tự trình bày và đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 01/11/2023, anh Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ đồng ý ly hôn với chị T vì quá trình chung sống vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trương Trần Anh K, sinh ngày 18/11/2022, hiện cháu K do chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn anh Đ đồng ý giao cháu K cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Ngọc T khởi kiện anh Trương Công Đ trú tại: Thôn T, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên về việc "Ly hôn". Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy An. Chị Trần Thị Ngọc T và anh Trương Công Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc T và anh Trương Công Đ tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, được UBND xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 30/12/2020 nên được coi là hôn nhân hợp pháp.

HĐXX xét thấy: Chị T và anh Đ đã không còn sống chung từ tháng 10 năm 2022 đến nay, chị T xác định không còn tình cảm với anh Đ, vợ chồng

không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tại đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt anh Đ cho biết nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hôn nhân không hạnh phúc và đồng ý ly hôn với chị T.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và tài liệu chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên tòa, HĐXX có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân của chị T và anh Đ là trầm trọng do mâu thuẫn kéo dài và cả hai cũng không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, đời sống chung của vợ chồng thực tế không tồn tại, khả năng hàn gắn không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh Đ thống nhất có 01 con chung tên Trương Trần Anh K, sinh ngày 18/11/2022, cháu K đang sống cùng chị T, tình cảm mẹ con gắn bó; tại đơn xin xét xử vắng mặt anh Đ cũng thống nhất giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu K cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị T và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Trần Thị Ngọc T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227; Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc T được ly hôn với anh Trương Công Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Trần Anh K, sinh ngày 18/11/2022 cho chị Trần Thị Ngọc T tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Trương Công Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, các đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm

ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0009682 ngày 25/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Tuy An (2);
- Chi cục THADS huyện Tuy An;
- UBND xã An Cư;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, AV.